

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ BẾN THÀNH

Báo cáo tài chính **hợp nhất** đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5 - 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	7 – 10
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	12 – 13
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	14 – 37

4489

ÔNG
TINH
M Y
VIỆT

HỒ
847

Y CỐ
AC Đ
THA

HỒ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Bến Thành và Công ty con (gọi tắt là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Bến Thành (gọi tắt là "Công ty mẹ") là công ty cổ phần, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300847936 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 30 tháng 12 năm 2003, và đăng ký thay đổi lần thứ 37 ngày 21 tháng 03 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty mẹ:

- Địa chỉ : 7 Phan Chu Trinh, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại : (84-28) 7303 4347

Theo đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty mẹ là:

- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ các mặt hàng vàng bạc nữ trang, đồ trang sức (trừ bạc (kể cả bạc được mạ vàng hoặc bạch kim) chưa gia công hoặc ở dạng bán thành phẩm hoặc ở dạng bột; vàng (kể cả vàng mạ bạch kim) chưa gia công hoặc ở dạng bán thành phẩm hoặc dạng bột; bạch kim, chưa gia công hoặc ở dạng bán thành phẩm hoặc dạng bột; bạc hoặc vàng, dát phủ bạch kim, chưa gia công quá mức bán thành phẩm) thực hiện theo Thông tư 34/2013/TT-BCT của Bộ Công Thương ngày 24 tháng 12 năm 2013; Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ;
- Sản xuất kim loại màu và kim loại quý. Chi tiết: Sản xuất, gia công, chế tác các mặt hàng vàng bạc nữ trang, đồ trang sức (trừ vàng miếng và trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: Quyền xuất khẩu, nhập khẩu và phân phối bán buôn các mặt hàng vàng bạc nữ trang, đồ trang sức (trừ bạc (kể cả bạc được mạ vàng hoặc bạch kim) chưa gia công hoặc ở dạng bán thành phẩm hoặc ở dạng bột; vàng (kể cả vàng mạ bạch kim) chưa gia công hoặc ở dạng bán thành phẩm hoặc dạng bột; bạch kim, chưa gia công hoặc ở dạng bán thành phẩm hoặc dạng bột; bạc hoặc vàng, dát phủ bạch kim, chưa gia công quá mức bán thành phẩm) thực hiện theo Thông tư 34/2013/TT-BCT của Bộ Công Thương ngày 24 tháng 12 năm 2013. - Quyền nhập khẩu vàng nguyên liệu dưới dạng khối, thỏi, hạt, miếng (trừ vàng nguyên liệu để sản xuất vàng miếng);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Bán buôn hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh nhà ở. Kinh doanh bất động sản (trừ dịch vụ định giá và sàn giao dịch bất động sản) theo Luật kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH13;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Kiểm tra thành phần vật lý và hiệu suất của vật lý, ví dụ như độ chịu lực, độ bền, độ dày, năng lực phóng xạ của các sản phẩm Công ty kinh doanh hay các sản phẩm tương tự do các doanh nghiệp khác kinh doanh (Công ty không được thực hiện việc kiểm định và cấp giấy chứng nhận cho phương tiện vận tải);
- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa. Chi tiết: dịch vụ đại lý hoa hồng đối với các hàng hoá doanh nghiệp thực hiện quyền phân phối bán buôn, bán lẻ;
- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên. Chi tiết: Nghiên cứu và phát triển các công nghệ mới trong lĩnh vực đá quý và trang sức;
- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ. Chi tiết: Nghiên cứu và phát triển các công nghệ mới trong lĩnh vực đá quý và trang sức;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Dịch vụ xếp chỗ ở khách sạn;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Dịch vụ cung cấp thức ăn và đồ uống.

Hoạt động chính của Công ty mẹ trong năm 2023 là cho thuê văn phòng và cửa hàng chuyên doanh vàng bạc đá quý.

Cấu trúc của Tập đoàn

Công ty con

Tên công ty

Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Vàng
Bến Thành
Công ty Cổ phần Bến Thành Bảo Ngọc

Địa chỉ

86-88 Nguyễn Hữu Cầu, Phường Tân Định,
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
4/6 Phan Kế Bính, Phường Đa Kao, Quận 1,
Tp. Hồ Chí Minh

Công ty liên kết

Tên công ty

Công ty Cổ phần Giám định Đá quý – Trang
sức Bến Thành

Địa chỉ

312 Hai Bà Trưng, Phường Tân Định, Quận
1, Tp. Hồ Chí Minh

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị

Chi nhánh Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý
Bến Thành – Cửa hàng Kinh doanh Vàng bạc
Đá quý Bến Thành
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý
Bến Thành – Cửa hàng Kinh doanh Vàng bạc
Đá quý Tân Định
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý
Bến Thành – Xưởng sản xuất Nữ trang Bến
Thành
Địa điểm kinh doanh Công ty Cổ phần Vàng
bạc Đá quý Bến Thành
Địa điểm kinh doanh Công ty Cổ phần Vàng
bạc Đá quý Bến Thành – Trung tâm Vàng bạc
Bến Thành
Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Vàng
bạc Đá quý Bến Thành – tại Hà Nội

Địa chỉ

166 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Thành,
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
312 Hai Bà Trưng, Phường Tân Định, Quận
1, Tp. Hồ Chí Minh
86-88 Nguyễn Hữu Cầu, Phường Tân Định,
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
07 Phan Chu Trinh, Phường Bến Thành,
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Trệt + Tầng 1, Số 68 Lê Lợi, Phường Bến
Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Số 162-164 Thái Hà, Phường Trung Liệt,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Đại diện pháp luật

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty mẹ trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Họ và tên

Ông Phạm Minh Khánh
Ông Phạm Minh Khánh Duy
Ông Phùng Hoài Ngọc
Ông Hồ Quốc Cường
Ông Vũ Thanh
Ông Trần Quang Trường

Chức vụ

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Bổ nhiệm từ ngày 28 tháng 04 năm 2023
Bổ nhiệm từ ngày 28 tháng 04 năm 2023
Bổ nhiệm từ ngày 28 tháng 04 năm 2023
Miễn nhiệm từ ngày 28 tháng 04 năm 2023

Ban Kiểm soát

Họ và tên

Bà Nguyễn Thị Sương
Ông Lê Thanh Liêm
Bà Diệp Kim Hương
Ông Vũ Thanh
Ông Huỳnh Phước Gia

Chức vụ

Trưởng ban
Trưởng ban
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Bổ nhiệm từ ngày 28 tháng 04 năm 2023
Miễn nhiệm từ ngày 28 tháng 04 năm 2023
Bổ nhiệm từ ngày 28 tháng 04 năm 2023
Miễn nhiệm từ ngày 28 tháng 04 năm 2023

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên

Ông Phạm Minh Khánh

Ông Cao Xuân Trường

Ông Bùi Đức Bình

Bà Nguyễn Ngọc Hân

Chức vụ

Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh

Phó Tổng Giám đốc Tài chính

Từ nhiệm từ ngày 31/03/2023

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty mẹ trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này là Ông Phạm Minh Khánh, chức vụ Tổng Giám đốc.

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tình hình tài chính hợp nhất vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Tập đoàn.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

7. Công bố Báo cáo tài chính

Chúng tôi công bố Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



PHẠM MINH KHÁNH

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2024



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International

Số: 055/2024/BCKTHN-HCM.01372



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUỲ BẾN THÀNH

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Bến Thành ("Công ty mẹ") và Công ty con (được gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 29 tháng 03 năm 2024, từ trang 07 đến trang 37, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Sau khi thực hiện các thủ tục kiểm toán, chúng tôi không thể thỏa mãn về bằng chứng kiểm toán liên quan đến tình hiện hữu và giá trị các khoản mục đã được ghi nhận trước ngày 01 tháng 01 năm 2020 và có số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 bao gồm: Đầu tư vào công ty liên kết với giá trị 600.000.000 VND (xem thuyết minh mục 5.11), tạm ứng của bà Lâm Kiên Định có giá trị là 2.121.594.000 VND (xem thuyết minh mục 5.3) và phải trả người bán ngắn hạn với giá trị 948.876.754 VND (xem thuyết minh mục 5.12) được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Như đã nêu tại mục 5.18 của Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Vàng Bến Thành (Công ty con) không tiến hành xác nhận số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 đối với công nợ vay của Công ty Victorance Pte. Ltd. với giá trị 19.826.805.000 VND. Khoản vay này đã được ghi nhận trước ngày 01 tháng 01 năm 2020. Ngoài ra Công ty con cũng không ghi nhận khoản chi phí lãi vay đối với hợp đồng vay này với giá trị là 2.974.020.750 VND. Do không có bằng chứng về việc có tồn tại số dư khoản vay này tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2023 hay không nên chúng tôi không thể điều chỉnh chi phí lãi vay này vào Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như không thể lượng hóa được ảnh hưởng của khoản mục này đến Báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề nhấn mạnh

Mặc dù không đưa ra ý kiến ngoại trừ, Chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến mục 4.1 của Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tập đoàn có lỗ lũy kế là 311.578.920.283 VND dẫn đến vốn chủ sở hữu còn 5.219.287.596 VND; Nợ phải trả ngắn hạn lớn hơn Tài sản ngắn hạn là 20.070.957.484 VND; Vay quá hạn chưa thanh toán là 19.826.805.000 VND. Những điều kiện này, cùng những vấn đề khác được nêu trong Thuyết minh mục 4.1, cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn. Tuy nhiên, các cổ đông Công ty mẹ cam kết sẽ tiếp tục hỗ trợ tài chính cho Công ty cho đến khi Công ty có khả năng trả nợ. Do vậy Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 vẫn được lập dựa trên giả định hoạt động liên tục.

Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Vàng Bến Thành tạm ngưng hoạt động kinh doanh từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 theo Giấy xác nhận về việc doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh số 797536/22 ngày 19 tháng 12 năm 2022 và tạm ngưng hoạt động kinh doanh từ ngày 29 tháng 01 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 theo Giấy xác nhận về việc doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh số 65010/24 ngày 29 tháng 01 năm 2024 của Phòng Đăng ký Kinh doanh Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty Cổ phần Bến Thành Bảo Ngọc tạm ngưng hoạt động kinh doanh từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 theo Giấy xác nhận về việc doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh số 797314/22 ngày 19 tháng 12 năm 2022 và tạm ngưng hoạt động kinh doanh từ ngày 29 tháng 01 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 theo Giấy xác nhận về việc doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh số 62339/24 ngày 26 tháng 01 năm 2024 của Phòng Đăng ký Kinh doanh Thành phố Hồ Chí Minh.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề nhấn mạnh này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Vàng Bến Thành và Công ty Cổ phần Bến Thành Bảo Ngọc cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 chưa được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Doanh nghiệp kiểm toán.



PHẠM THỊ NGỌC LIÊN
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1180-2023-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2024

TRẦN THỊ LAN
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4157-2022-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ BẾN THÀNH

7 Phan Chu Trinh, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
TÀI SẢN				
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		22.015.393.909	19.472.027.423
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	162.039.004	138.128.089
1. Tiền	111		162.039.004	138.128.089
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		21.781.264.563	19.174.919.699
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	14.500.974.075	10.461.711.088
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		200.000.000	15.552.500
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3.1	3.681.092.489	2.780.758.756
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(4.703.212.078)	(2.185.512.722)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	5.4	8.102.410.077	8.102.410.077
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
1. Hàng tồn kho	141		-	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		72.090.342	158.979.635
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6.1	36.229.450	123.118.743
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.13	35.860.892	35.860.892
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ BẾN THÀNH

7 Phan Chu Trinh, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		29.965.245.080	37.568.016.569
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.825.000.000	9.451.200.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.3.2	3.825.000.000	9.451.200.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		849.730.423	1.241.050.356
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	849.730.423	1.241.050.356
- Nguyên giá	222		7.561.559.683	7.448.485.137
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.711.829.260)	(6.207.434.781)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	-	-
- Nguyên giá	228		153.172.060	153.172.060
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(153.172.060)	(153.172.060)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.9	23.598.849.283	24.749.760.775
- Nguyên giá	231		33.108.470.858	33.108.470.858
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(9.509.621.575)	(8.358.710.083)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	676.486.398
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	-	676.486.398
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5.11	-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.691.665.374	1.449.519.040
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6.2	1.691.665.374	1.449.519.040
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		51.980.638.989	57.040.043.992

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ BẾN THÀNH

7 Phan Chu Trinh, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
NGUỒN VỐN				
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		46.761.351.393	49.969.255.920
I. Nợ ngắn hạn	310		42.086.351.393	42.896.255.920
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	10.426.704.085	10.800.100.313
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		626.882.581	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	4.361.227.002	3.624.909.179
4. Phải trả người lao động	314	5.14	404.597.418	522.551.107
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	1.483.458.784	1.241.440.911
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.16	3.264.848.254	1.943.181.818
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17.1	1.691.828.269	4.911.067.592
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18	19.826.805.000	19.853.005.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		4.675.000.000	7.073.000.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.17.2	4.675.000.000	7.073.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ BẾN THÀNH

7 Phan Chu Trinh, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		5.219.287.596	7.070.788.072
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.19	5.219.287.596	7.070.788.072
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		314.600.000.000	314.600.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		314.600.000.000	314.600.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		940.262.400	940.262.400
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.017.801.868	2.017.801.868
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(311.578.920.283)	(309.774.449.382)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế kỳ trước	421a		(309.774.449.382)	(309.029.861.205)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(1.804.470.901)	(744.588.177)
12. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		(759.856.389)	(712.826.814)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		51.980.638.989	57.040.043.992

**CHÂU THỊ THÚY HẰNG**

Người lập/ Kế toán trưởng

**PHẠM MINH KHÁNH**

Tổng Giám Đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ BẾN THÀNH

7 Phan Chu Trinh, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		37.845.712.956	35.996.943.898
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	37.845.712.956	35.996.943.898
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	31.240.711.391	31.887.626.330
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		6.605.001.565	4.109.317.568
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	436.520	685.182
7. Chi phí tài chính	22	6.4	432.400	38.839.120
Trong đó: chi phí lãi vay	23		432.400	38.665.600
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	323.607.863	852.497.902
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	8.674.245.397	5.317.549.597
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(2.392.847.575)	(2.098.883.869)
11. Thu nhập khác	31	6.7	1.910.259.757	1.443.116.563
12. Chi phí khác	32	6.8	1.368.912.658	139.121.347
13. Lợi nhuận khác	40		541.347.099	1.303.995.216
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(1.851.500.476)	(794.888.653)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(1.851.500.476)	(794.888.653)
18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		(1.804.470.901)	(744.588.177)
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(47.029.575)	(50.300.476)
20. Lãi/ (Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	(57)	(24)

**CHÂU THỊ THÚY HẰNG**
Người lập/ Kế toán trưởng**PHẠM MINH KHÁNH**
Tổng Giám Đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(1.851.500.476)	(794.888.653)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	6.10	1.655.305.971	1.681.779.158
- Các khoản dự phòng, (hoàn nhập)	03	6.10	2.517.699.356	35.000.000
- (Lãi)/ lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- (Lãi), lỗ từ hoạt động đầu tư	05	6.3	(436.520)	(685.182)
- Chi phí lãi vay	06	6.4	432.400	38.665.600
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		2.321.500.731	959.870.923
- (Tăng)/ giảm các khoản phải thu	09		476.111.495	(11.997.031.105)
- (Tăng), giảm hàng tồn kho	10		-	-
- Tăng/ (giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(2.554.886.407)	17.130.287.075
- (Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12		(155.257.041)	16.561.909
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(1.027.778.514)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		25.044.285	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(63.838.668)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		48.674.395	5.081.910.288
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	(676.486.398)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		436.520	685.182
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.436.520	(675.801.216)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	5.18	190.000.000	5.126.199.996
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	5.18	(216.200.000)	(9.609.999.996)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(26.200.000)	(4.483.800.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUỲ BẾN THÀNH

7 Phan Chu Trinh, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM (50 = 20 + 30 + 40)	50		23.910.915	(77.690.928)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	60	5.1	138.128.089	215.819.017
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM (70 = 50 + 60 + 61)	70	5.1	162.039.004	138.128.089

**CHÂU THỊ THÚY HẰNG**
Người lập/ Kế toán trưởng**PHẠM MINH KHÁNH**

Tổng Giám Đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ BẾN THÀNH

7 Phan Chu Trinh, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Bến Thành (gọi tắt là "Công ty mẹ") là công ty cổ phần, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300847936 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 30 tháng 12 năm 2003, và đăng ký thay đổi lần thứ 37 ngày 21 tháng 03 năm 2022.

1.1 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn (gồm Công ty mẹ và Công ty con) là kinh doanh dịch vụ.

1.2 Ngành nghề kinh doanh

Theo đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty mẹ là:

- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ các mặt hàng vàng bạc nữ trang, đồ trang sức (trừ bạc (kể cả bạc được mạ vàng hoặc bạch kim) chưa gia công hoặc ở dạng bán thành phẩm hoặc ở dạng bột; vàng (kể cả vàng mạ bạch kim) chưa gia công hoặc ở dạng bán thành phẩm hoặc dạng bột; bạch kim, chưa gia công hoặc ở dạng bán thành phẩm hoặc dạng bột; bạc hoặc vàng, dát phủ bạch kim, chưa gia công quá mức bán thành phẩm) thực hiện theo Thông tư 34/2013/TT-BCT của Bộ Công Thương ngày 24 tháng 12 năm 2013; Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ;
- Sản xuất kim loại màu và kim loại quý. Chi tiết: Sản xuất, gia công, chế tác các mặt hàng vàng bạc nữ trang, đồ trang sức (trừ vàng miếng và trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: Quyền xuất khẩu, nhập khẩu và phân phối bán buôn các mặt hàng vàng bạc nữ trang, đồ trang sức (trừ bạc (kể cả bạc được mạ vàng hoặc bạch kim) chưa gia công hoặc ở dạng bán thành phẩm hoặc ở dạng bột; vàng (kể cả vàng mạ bạch kim) chưa gia công hoặc ở dạng bán thành phẩm hoặc dạng bột; bạch kim, chưa gia công hoặc ở dạng bán thành phẩm hoặc dạng bột; bạc hoặc vàng, dát phủ bạch kim, chưa gia công quá mức bán thành phẩm) thực hiện theo Thông tư 34/2013/TT-BCT của Bộ Công Thương ngày 24 tháng 12 năm 2013. - Quyền nhập khẩu vàng nguyên liệu dưới dạng khối, thỏi, hạt, miếng (trừ vàng nguyên liệu để sản xuất vàng miếng);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Bán buôn hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh nhà ở. Kinh doanh bất động sản (trừ dịch vụ định giá và sàn giao dịch bất động sản) theo Luật kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH13;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Kiểm tra thành phần vật lý và hiệu suất của vật lý, ví dụ như độ chịu lực, độ bền, độ dày, năng lực phóng xạ của các sản phẩm Công ty kinh doanh hay các sản phẩm tương tự do các doanh nghiệp khác kinh doanh (Công ty không được thực hiện việc kiểm định và cấp giấy chứng nhận cho phương tiện vận tải);
- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa. Chi tiết: dịch vụ đại lý hoa hồng đối với các hàng hoá doanh nghiệp thực hiện quyền phân phối bán buôn, bán lẻ;
- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên. Chi tiết: Nghiên cứu và phát triển các công nghệ mới trong lĩnh vực đá quý và trang sức;
- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ. Chi tiết: Nghiên cứu và phát triển các công nghệ mới trong lĩnh vực đá quý và trang sức;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Dịch vụ xếp chỗ ở khách sạn;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Dịch vụ cung cấp thức ăn và đồ uống.

Hoạt động chính của Công ty mẹ trong năm 2023 là cho thuê văn phòng và cửa hàng chuyên doanh vàng bạc đá quý.

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ BẾN THÀNH

7 Phan Chu Trinh, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1.3 Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Tập đoàn không quá 12 tháng.

1.4 Cấu trúc của Tập đoàn

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		31/12/2023	31/12/2022	31/12/2023	31/12/2022
Công ty con					
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Vàng Bến Thành	86-88 Nguyễn Hữu Cầu, P. Tân Định, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	99,99%	99,99%	99,99%	99,99%
Công ty Cổ phần Bến Thành Bảo Ngọc	4/6 Phan Kế Bính, P. Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	90,00%	90,00%	90,00%	90,00%
Công ty liên kết					
Công ty Cổ phần Giám định Đá quý – Trang sức Bến Thành	312 Hai Bà Trưng, Phường Tân Định, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh	30,00%	30,00%	30,00%	30,00%

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Bến Thành – Cửa hàng Kinh doanh Vàng bạc Đá quý Bến Thành	166 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Bến Thành – Cửa hàng Kinh doanh Vàng bạc Đá quý Tân Định	312 Hai Bà Trưng, Phường Tân Định, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Bến Thành – Xưởng sản xuất Nữ trang Bến Thành	86-88 Nguyễn Hữu Cầu, Phường Tân Định, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Địa điểm kinh doanh Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Bến Thành	07 Phan Chu Trinh, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Địa điểm kinh doanh Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Bến Thành – Trung tâm Vàng bạc Bến Thành	Trệt + Tầng 1, Số 68 Lê Lợi, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Bến Thành – tại Hà Nội	Số 162-164 Thái Hà, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

1.6 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tổng số nhân viên của Tập đoàn là 16 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 28 người).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Mẹ và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty Mẹ kiểm soát cho đến ngày lập báo cáo hàng kỳ. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty Mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty Mẹ và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu thuộc phần vốn chủ sở hữu của bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ BẾN THÀNH

7 Phan Chu Trinh, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tập đoàn có lỗ lũy kế là 311.578.920.283 VND dẫn đến vốn chủ sở hữu còn 5.219.287.596 VND; Nợ phải trả ngắn hạn lớn hơn Tài sản ngắn hạn là 20.070.957.484 VND; Vay quá hạn chưa thanh toán là 19.826.805.000 VND. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tuy nhiên, các cổ đông Công ty mẹ cam kết sẽ tiếp tục hỗ trợ tài chính cho Tập đoàn bằng cách bổ sung các khoản nợ vay, không yêu cầu Tập đoàn hoàn trả tiền nợ vay cho đến khi Tập đoàn có khả năng trả nợ. Do vậy Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 vẫn được lập dựa trên giả thiết Tập đoàn hoạt động kinh doanh liên tục.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.3 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa và các loại chi phí khác. Các chi phí trả trước này đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 (ba) năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUỲ BẾN THÀNH

7 Phan Chu Trinh, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

4.7 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Tài sản	Thời gian
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25 năm
Máy móc thiết bị	05 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 05 năm

4.8 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp để tạo ra phần mềm. Phần mềm máy tính này được phân bổ vào chi phí với thời gian là 5 năm.

4.9 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tập đoàn hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất lâu dài tại 86 – 88 Nguyễn Hữu Cầu, Phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Tập đoàn không trích khấu hao cho quyền sử dụng đất này.

Bất động sản đầu tư là nhà của vật kiến trúc và tài sản khác gắn liền với đất sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

Tài sản	Thời gian
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25 năm
Máy móc thiết bị	05 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 05 năm

4.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.11 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ, tài sản đã nhận được từ người bán và giá trị ước tính các khoản chi phí đã phát sinh và được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán vào thời điểm khóa sổ lập báo cáo tài chính. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

4.13 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty mẹ cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.14 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.15 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Các Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Các Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Các báo cáo thuế của Công ty mẹ và Công ty con sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ BẾN THÀNH

7 Phan Chu Trinh, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

4.17 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các Công ty/ đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty/ Đối tượng	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Giám định Đá quý – Trang sức Bến Thành	Công ty liên kết
Tổng Công ty Bến Thành - TNHH Một thành viên	Cổ đông lớn
Sunny Time (HongKong)	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bến Thành	Bên liên quan của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Bến Thành	Bên liên quan của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Văn hóa Tổng hợp Bến Thành	Bên liên quan của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Bến Thành Nhất Việt	Bên liên quan của cổ đông lớn
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	Thành viên chủ chốt

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Tiền mặt tồn quỹ – VND	85.027.372	70.402.704
Tiền gửi ngân hàng – VND	77.011.632	67.725.385
	162.039.004	138.128.089

5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các khách hàng khác				
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ Phúc Ân	13.591.170.702	(2.222.419.355)	9.259.174.230	-
Công ty Cổ phần Bất động sản Ngọc Viễn Đông	515.202.913	-	-	-
Công ty TNHH Kơ Nia	264.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Một thành viên Kinh doanh Vàng Kim Thanh Nguyên	-	-	660.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quế Jewelry	-	-	450.000.000	-
Chi nhánh Công ty TNHH Khách sạn Emerald Boutique	-	-	63.057.758	-
Các khách hàng khác	130.600.460	-	29.479.100	-
	14.500.974.075	(2.222.419.355)	10.461.711.088	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUỲ BẾN THÀNH

7 Phan Chu Trinh, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

5.3 Phải thu ngắn và dài hạn khác**5.3.1 Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu từ các bên liên quan				
Ông Phạm Minh Khánh - Tạm ứng	893.155.333	-	-	-
Phải thu đối tượng khác				
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ Phúc Ân - Phải thu phạt vi phạm hợp đồng	400.400.000	(280.280.000)	400.400.000	-
Bà Lâm Kiên Định - Tạm ứng thực hiện dự án	2.121.594.000	(2.121.594.000)	2.121.594.000	(2.121.594.000)
Phải thu khác	265.943.156	(78.918.722)	258.764.756	(63.918.722)
	3.681.092.489	(2.480.792.722)	2.780.758.756	(2.185.512.722)

5.3.2 Phải thu dài hạn khác

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ký quỹ của các bên liên quan				
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bến Thành - Ký quỹ thuê mặt bằng	1.170.000.000	-	4.170.000.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Bến Thành - Ký quỹ thuê mặt bằng	1.400.000.000	-	3.550.000.000	-
Công ty Cổ phần Văn hóa Tổng hợp Bến Thành - Ký quỹ thuê mặt bằng	220.000.000	-	220.000.000	-
Công ty Cổ phần Bến Thành Nhất Việt - Ký quỹ thuê mặt bằng	270.000.000	-	270.000.000	-
Ký quỹ của các đối tượng khác				
Ngân Hàng TMCP Sài Gòn Công Thương - Ký quỹ thuê mặt bằng	765.000.000	-	765.000.000	-
Nguyễn Thị Tuyết	-	-	476.200.000	-
	3.825.000.000	-	9.451.200.000	-

5.4 Tài sản thiếu chờ xử lý

	31/12/2023		01/01/2023	
	Số lượng	Giá trị VND	Số lượng	Giá trị VND
Tài sản cố định				
Nhà cửa, vật kiến trúc	4	2.468.281.929	4	2.468.281.929
Máy móc, thiết bị	6	158.569.197	6	158.569.197
Phần mềm máy vi tính	4	4.296.999.731	4	4.296.999.731
Chi phí trả trước				
Công cụ dụng cụ	35	620.187.424	35	620.187.424
Chi phí thi công, sửa chữa	11	558.371.796	11	558.371.796
		8.102.410.077		8.102.410.077

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ BẾN THÀNH
 7 Phan Chu Trinh, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

5.5 Nợ xấu

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng				
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ Phúc Ân	4.774.838.711	2.552.419.355	-	-
Phải thu khác				
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ Phúc Ân	400.400.000	120.120.000	-	-
Ông Nguyễn Trọng Ngo	50.000.000	-	50.000.000	15.000.000
Phải thu đối tượng khác	57.837.444	28.918.722	57.837.444	28.918.722
Tạm ứng				
Bà Lâm Kiên Định	2.121.594.000	-	2.121.594.000	-
	7.404.670.155	2.701.458.077	2.229.431.444	43.918.722

5.6 Chi phí trả trước ngắn và dài hạn

5.6.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Chi phí sửa chữa	3.601.116	74.391.957
Chi phí khác	32.628.334	48.726.786
	36.229.450	123.118.743

5.6.2 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Chi phí thuê sử dụng đất	16.344.025	21.713.365
Công cụ, dụng cụ	81.161.382	119.841.668
Chi phí sửa chữa	368.751.744	44.796.314
Chi phí khác	1.225.408.223	1.263.167.693
	1.691.665.374	1.449.519.040

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ BẾN THÀNH
 7 Phan Chu Trinh, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

5.7 Tình hình tăng / (giảm) tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2023	208.750.958	6.727.010.082	512.724.097	7.448.485.137
Tăng từ xây dựng cơ bản	-	-	113.074.546	113.074.546
Tại ngày 31/12/2023	208.750.958	6.727.010.082	625.798.643	7.561.559.683
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2023	208.750.958	5.485.959.726	512.724.097	6.207.434.781
Khấu hao trong năm	-	481.779.579	22.614.900	504.394.479
Tại ngày 31/12/2023	208.750.958	5.967.739.305	535.338.997	6.711.829.260
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2023	-	1.241.050.356	-	1.241.050.356
Tại ngày 31/12/2023	-	759.270.777	90.459.646	849.730.423

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

Tại ngày 01/01/2023	208.750.958	-	512.724.097	721.475.055
Tại ngày 31/12/2023	208.750.958	763.026.582	512.724.097	1.484.501.637

5.8 Tình hình tăng / (giảm) tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2023	153.172.060	153.172.060
Tại ngày 31/12/2023	153.172.060	153.172.060
Giá trị hao mòn lũy kế		
Tại ngày 01/01/2023	153.172.060	153.172.060
Khấu hao trong năm	-	-
Tại ngày 31/12/2023	153.172.060	153.172.060
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2023	-	-
Tại ngày 31/12/2023	-	-

Tại ngày 31/12/2023, nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 153.172.060 VND (tại ngày 31/12/2022: 153.172.060 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ BẾN THÀNH

7 Phan Chu Trinh, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

5.9 Bất động sản đầu tư cho thuê

	Quyền sử dụng đất VND	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2023	3.300.000.000	29.356.696.122	316.363.636	135.411.100	33.108.470.858
Tại ngày 31/12/2023	3.300.000.000	29.356.696.122	316.363.636	135.411.100	33.108.470.858
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2023	-	7.906.935.347	316.363.636	135.411.100	8.358.710.083
Khấu hao trong năm	-	1.150.911.492	-	-	1.150.911.492
Tại ngày 31/12/2023	-	9.057.846.839	316.363.636	135.411.100	9.509.621.575
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2023	3.300.000.000	21.449.760.775	-	-	24.749.760.775
Tại ngày 31/12/2023	3.300.000.000	20.298.849.283	-	-	23.598.849.283

Nguyên giá bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

Tại ngày 01/01/2023	-	-	316.363.636	135.411.100	451.774.736
Tại ngày 31/12/2023	-	-	316.363.636	135.411.100	451.774.736

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 "Bất động sản đầu tư", giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính phải được trình bày. Tuy nhiên, Công ty mẹ hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

Bất động sản đầu tư cho thuê của Công ty mẹ bao gồm:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại địa chỉ 86 – 88 Nguyễn Hữu Cầu, Phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nhà cửa vật kiến trúc tại địa chỉ 312 Hai Bà Trưng, Phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thu nhập từ việc cho thuê và chi phí trực tiếp cho hoạt động kinh doanh (bao gồm chi phí sửa chữa và bảo dưỡng) phát sinh từ bất động sản đầu tư liên quan và không liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê trong năm được trình tại mục 6.1 và 6.2 của Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	01/01/2023 VND	Chi phí phát sinh trong năm VND	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm VND	Kết chuyển giảm khác trong năm VND	31/12/2023 VND
Chi phí sửa chữa	676.486.398	-	113.074.546	563.411.852	-
	676.486.398	-	113.074.546	563.411.852	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ BẾN THÀNH

7 Phan Chu Trinh, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

5.11 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2023			01/01/2023		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị hợp lý
Đầu tư góp vốn vào công ty liên doanh liên kết						
Công ty Cổ phần Giám định Đá quý – Trang sức Bến Thành	600.000.000	(600.000.000)	(*)	600.000.000	(600.000.000)	(*)
	600.000.000	(600.000.000)		600.000.000	(600.000.000)	

(*) Tại ngày báo cáo, Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

5.12 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả người bán - Bên liên quan				
Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Bến Thành	6.821.902.212	6.821.902.212	7.614.129.032	7.614.129.032
Công ty Cổ phần Văn hóa Tổng hợp Bến Thành	1.263.860.000	1.263.860.000	548.860.000	548.860.000
Công ty Cổ phần Bến Thành Nhất Việt	877.552.846	877.552.846	877.552.846	877.552.846
Sunny Time (Hong Kong) Limited	538.437.500	538.437.500	645.825.609	645.825.609
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bến Thành	123.289.828	123.289.828	209.544.496	209.544.496
Phải trả người bán – Các đối tượng khác				
Công ty TNHH Thiết kế và Xây dựng Trịnh Trần	294.682.596	294.682.596	294.682.596	294.682.596
Công ty TNHH Tư vấn Thương hiệu Interloka	240.350.000	240.350.000	240.350.000	240.350.000
Công ty TNHH TM Cơ điện Trí Việt	115.756.658	115.756.658	115.756.658	115.756.658
Nguyễn Thị Tuyết	-	-	107.145.000	107.145.000
Các nhà cung cấp khác	150.872.445	150.872.445	146.254.076	146.254.076
	10.426.704.085	10.426.704.085	10.800.100.313	10.800.100.313

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, phải trả người bán không có xác nhận công nợ có giá trị là 948.876.754 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ BẾN THÀNH
 7 Phan Chu Trinh, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

5.13 Thuế và các khoản (phải thu)/ phải nộp Nhà nước

	01/01/2023		Phát sinh trong năm		31/12/2023	
	Phải thu VND	Phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp/ đã khấu trừ VND	Phải thu VND	Phải nộp VND
Thuế GTGT	-	1.317.110.933	982.271.281	(1.181.452.843)	-	1.117.929.371
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	364.326.862	-	-	-	364.326.862
Thuế thu nhập cá nhân	(35.860.892)	7.652.345	66.103.070	(42.820.045)	(35.860.892)	30.935.370
Tiền thuê đất và thuế sử dụng đất	-	1.164.227.719	912.216.360	-	-	2.076.444.079
Thuế môn bài	-	-	14.000.000	(14.000.000)	-	-
Các loại thuế khác	-	771.591.320	-	-	-	771.591.320
Cộng	(35.860.892)	3.624.909.179	1.974.590.711	(1.238.272.888)	(35.860.892)	4.361.227.002

Thuế giá trị gia tăng

Công ty mẹ nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất là 8% và 10%, các Công ty con không phát sinh hàng hóa dịch vụ bán ra trong năm.

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")

Các công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế TNDN với thuế suất 20%.

Tiền thuê đất và thuế sử dụng đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất theo thông báo của Cục thuế.

5.14 Phải trả người lao động

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Tiền lương thưởng còn phải trả người lao động	404.597.418	522.551.107
	404.597.418	522.551.107

5.15 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Chi phí thuê mặt bằng	1.390.909.092	1.215.440.911
Chi phí bồi thường hợp đồng	92.549.692	-
Chi phí bảo trì máy lạnh	-	26.000.000
	1.483.458.784	1.241.440.911

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUỲ BẾN THÀNH
 7 Phan Chu Trinh, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

5.16 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Tiền nhận trước về cho thuê văn phòng		
Công ty Cổ phần Phê La	2.686.060.381	-
Công ty Cổ phần Prowtech International Vina	378.787.873	1.818.181.818
Công ty TNHH Kơ Nia	200.000.000	-
Công ty TNHH Giáo dục và Đào tạo Ieltspower	-	125.000.000
	3.264.848.254	1.943.181.818

5.17 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác

5.17.1 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả bên liên quan				
Ông Phạm Minh Khánh				
- Tiền thù lao	10.000.000	10.000.000	-	-
- Lãi vay phải trả	-	-	54.112.267	54.112.267
Phải trả các đối tượng khác				
Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn thuê mặt bằng	440.000.000	440.000.000	4.596.972.300	4.596.972.300
Doanh nghiệp tư nhân Kinh Doanh Vàng Kim Ngôn - Bồi thường hợp đồng	183.118.500	183.118.500	-	-
Công ty Cổ phần Louis Land – Trả lại tiền đặt cọc	350.000.000	350.000.000	-	-
Công ty TNHH Quốc Tế Đại Hùng Tinh - Trả lại tiền đặt cọc	482.777.778	482.777.778	-	-
Bảo hiểm xã hội	-	-	34.694.034	34.694.034
Phải trả khác	225.931.991	225.931.991	259.983.025	259.983.025
	1.691.828.269	1.691.828.269	4.911.067.592	4.911.067.592

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ BẾN THÀNH

7 Phan Chu Trinh, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

5.17.2 Phải trả dài hạn khác

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả bên liên quan				
Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Bến Thành - góp vốn hợp tác kinh doanh (*)	160.000.000	160.000.000	270.000.000	270.000.000
Phải trả các đối tượng khác				
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn thuê mặt bằng	4.474.000.000	4.474.000.000	6.803.000.000	6.803.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Greenteccons – phải trả khác	41.000.000	41.000.000	-	-
	4.675.000.000	4.675.000.000	7.073.000.000	7.073.000.000

(*) Đây là khoản góp vốn bằng tiền mặt để làm vốn lưu động phục vụ cho các hoạt động kinh doanh của Công ty tại địa điểm thuê.

5.18 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay bên liên quan				
Ông Phạm Minh Khánh	-	-	26.200.000	26.200.000
Vay của tổ chức khác				
Victorance Pte. Ltd. (*)	19.826.805.000	19.826.805.000	19.826.805.000	19.826.805.000
	19.826.805.000	19.826.805.000	19.853.005.000	19.853.005.000

(*) Khoản vay ngắn hạn của Công ty Victorance Pte. Ltd. theo hợp đồng vay ngày 25/12/2019, thời hạn vay 1 năm, lãi suất 15%/ năm. Trong năm 2023, Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Vàng Bến Thành không ghi nhận chi phí lãi vay của khoản vay này. Công ty chưa làm phụ lục gia hạn khoản vay do khoản vay đã quá hạn thanh toán và Công ty chưa ghi nhận khoản phạt (nếu có).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	01/01/2023 VND	Vay trong năm VND	Thanh toán trong năm VND	31/12/2023 VND
Vay bên liên quan				
Ông Phạm Minh Khánh	26.200.000	190.000.000	(216.200.000)	-
Vay của tổ chức khác				
Victorance Pte. Ltd.	19.826.805.000	-	-	19.826.805.000
	19.853.005.000	190.000.000	(216.200.000)	19.826.805.000

Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

	31/12/2023		01/01/2023	
	Gốc VND	Lãi VND	Gốc VND	Lãi VND
Vay của tổ chức khác				
Victorance Pte. Ltd. (*)	19.826.805.000	-	19.826.805.000	-
	19.826.805.000	-	19.826.805.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ BẾN THÀNH

7 Phan Chu Trinh, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

5.19 Vốn chủ sở hữu ("VCSH")**5.19.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đồng không kiểm soát	Tổng cộng VND
Năm trước						
Tại ngày						
01/01/2022	314.600.000.000	940.262.400	2.017.801.868	(309.029.861.205)	(662.526.338)	7.865.676.725
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	(744.588.177)	(50.300.476)	(794.888.653)
Tại ngày						
31/12/2022	314.600.000.000	940.262.400	2.017.801.868	(309.774.449.382)	(712.826.814)	7.070.788.072
Năm nay						
Tại ngày						
01/01/2023	314.600.000.000	940.262.400	2.017.801.868	(309.774.449.382)	(712.826.814)	7.070.788.072
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	(1.804.476.000)	(47.029.575)	(1.851.505.575)
Tại ngày						
31/12/2023	314.600.000.000	940.262.400	2.017.801.868	(311.578.920.283)	(759.856.389)	5.219.287.596

5.19.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Cổ đông	31/12/2023		01/01/2023	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
Ông Phạm Minh Khánh	226.528.880.000	72,00%	226.528.880.000	72,00%
Tổng Công ty Bến Thành - TNHH				
Một thành viên	57.565.310.000	18,30%	57.565.310.000	18,30%
Sunny Time (Hong Kong) Limited	5.753.050.000	1,83%	5.753.050.000	1,83%
Các cổ đông khác	24.752.760.000	7,87%	24.752.760.000	7,87%
	314.600.000.000	100%	314.600.000.000	100%

5.19.3 Cổ phiếu

	31/12/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	31.460.000	31.460.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	31.460.000	31.460.000
- Cổ phiếu phổ thông	31.460.000	31.460.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	31.460.000	31.460.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ BẾN THÀNH

7 Phan Chu Trinh, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**6.1 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu cho thuê bất động sản	37.845.712.956	35.996.943.898
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
	37.845.712.956	35.996.943.898

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Giá vốn cho thuê bất động sản	30.799.933.129	31.887.626.330
	30.799.933.129	31.887.626.330

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	436.520	685.182
	436.520	685.182

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí lãi vay	432.400	38.665.600
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	173.520
	432.400	38.839.120

6.5 Chi phí bán hàng

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nhân viên	268.390.500	244.797.902
Chi phí hoa hồng môi giới	38.510.000	607.700.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.307.444	-
Chi phí bán hàng khác	5.399.919	-
	323.607.863	852.497.902

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.453.881.022	2.924.511.508
Chi phí đồ dùng văn phòng	59.504.736	56.962.714
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.643.998.527	1.681.779.158
Thuế, phí, lệ phí	12.897.344	78.417.440
(Hoàn nhập)/ trích lập dự phòng	2.517.699.356	35.000.000
Chi phí thuê mặt bằng	1.390.909.092	-
Chi phí dịch vụ	311.937.228	199.248.625
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	283.418.092	341.630.152
	8.674.245.397	5.317.549.597

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUỲ BẾN THÀNH

7 Phan Chu Trinh, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

6.7 Thu nhập khác

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Thu bồi thường, vi phạm hợp đồng	1.910.215.471	1.200.400.000
Tiền thuê đất năm 2021 được giảm	-	239.612.933
Thu nhập khác	44.286	3.103.630
	1.910.259.757	1.443.116.563

6.8 Chi phí khác

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Truy thu thuế và phạt vi phạm	59.311.059	42.400.000
Chi trả bồi thường do vi phạm hợp đồng	918.489.300	55.322.319
Phạt vi phạm hợp đồng	386.584.690	37.420.000
Chi phí khác	4.527.609	152.993
	1.368.912.658	139.121.347

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lợi nhuận sau thuế	(1.804.470.901)	(744.588.177)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	31.460.000	31.460.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(57)	(24)

6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nhân viên	3.944.256.055	3.820.211.054
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	80.607.438	372.918.067
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.655.305.971	1.681.779.158
Thuế, phí, lệ phí	925.113.704	990.633.800
(Hoàn nhập)/ trích lập dự phòng	2.517.699.356	35.000.000
Chi phí thuê mặt bằng	27.075.471.813	27.369.803.863
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.596.515.701	3.182.967.672
Chi phí bằng tiền khác	438.194.694	604.360.215
	40.233.164.732	38.057.673.829

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ BẾN THÀNH

7 Phan Chu Trinh, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC**7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

7.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng Quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát của Công ty.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt:

Nội dung nghiệp vụ		Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Ông Phạm Minh Khánh	Lãi vay	432.400	38.665.600
	Vay	190.000.000	5.126.199.996
	Trả nợ vay	216.200.000	9.609.999.996

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày trong thuyết minh mục 5.3, 5.17.1 và 5.18.

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc:

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<u>Thu lao của Hội đồng Quản trị</u>		
Ông Phạm Minh Khánh	20.000.000	20.000.000
Ông Phạm Minh Khánh Duy	12.000.000	12.000.000
Ông Phùng Hoài Ngọc	8.000.000	-
Ông Hồ Quốc Cường	8.000.000	-
Ông Vũ Thanh	8.000.000	-
Ông Trần Quang Trường	4.000.000	12.000.000
<u>Thu lao của Ban Kiểm soát</u>		
Ông Huỳnh Phước Gia	8.000.000	8.000.000
Bà Nguyễn Thị Sương	8.000.000	-
Bà Diệp Kim Hương	5.333.333	-
Ông Lê Thanh Liêm	2.000.000	12.000.000
Ông Vũ Thanh	2.666.667	8.000.000
<u>Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc</u>		
Ông Phạm Minh Khánh	503.630.000	352.740.000
Ông Cao Xuân Trường	99.495.000	189.169.085
Ông Bùi Đức Bình	236.957.902	176.600.909
Bà Nguyễn Ngọc Hân	272.058.916	110.480.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ BẾN THÀNH

7 Phan Chu Trinh, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

7.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Giao dịch với các bên liên quan khác

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bến Thành	Chi phí thuê mặt bằng	9.436.363.650	8.740.175.963
	Chi phí dịch vụ khác	647.459.598	535.227.025
	Chi phí phạt vi phạm hợp đồng	332.685.000	42.400.000
	Ký cược ký quỹ	2.026.680.000	3.270.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Bến Thành	Chi phí thuê mặt bằng	11.509.333.334	14.621.935.483
	Chi phí dịch vụ khác	1.670.053.142	1.297.819.809
	Ký cược ký quỹ	-	220.000.000
	Mua hàng hóa	64.942.158	-
	Thu nhập nhận hỗ trợ	1.013.000.000	-
Công ty Cổ phần Văn hóa Tổng hợp Bến Thành	Chi phí thuê mặt bằng	1.190.000.000	630.000.000
	Chi phí phạt vi phạm hợp đồng	61.349.690	-
Công ty Cổ phần Bến Thành Nhất Việt	Chi phí thuê mặt bằng	-	245.454.546
	Chi phí dịch vụ khác	-	6.254.372
	Ký cược ký quỹ	-	270.000.000

Số dư các khoản phải thu/(phải trả) với các bên liên quan:

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bến Thành	Ký quỹ, ký cược	1.170.000.000	4.170.000.000
	Phải trả người bán	(123.289.828)	(209.544.496)
Sunny Time (Hong Kong) Limited	Phải trả người bán	(538.437.500)	(538.437.500)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Bến Thành	Ký quỹ, ký cược	1.400.000.000	3.550.000.000
	Phải trả người bán	(6.821.902.212)	(7.614.129.032)
	Phải trả khác	(160.000.000)	(270.000.000)
Công ty Cổ phần Văn hóa Tổng hợp Bến Thành	Ký quỹ, ký cược	220.000.000	220.000.000
	Phải trả người bán	(1.263.860.000)	(548.860.000)
Công ty Cổ phần Bến Thành Nhất Việt	Ký quỹ, ký cược	270.000.000	270.000.000
	Phải trả người bán	(877.552.846)	(877.552.846)

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ BẾN THÀNH

7 Phan Chu Trinh, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

7.2 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính (ngày 31 tháng 12 năm 2023) đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính.



CHÂU THỊ THÚY HẰNG
Người lập/ Kế toán trưởng



PHẠM MINH KHÁNH
Tổng Giám Đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2024